

Số: /QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính  
các lĩnh vực ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc thẩm quyền  
tiếp nhận, giải quyết của cấp tỉnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính Phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 3506/QĐ- BVHTTDL ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 18/TTr – SVHTTDL ngày 02/3/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính các lĩnh vực ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cấp tỉnh (*Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

**1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy trình nội bộ đối với việc giải quyết từng thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này (nếu cần thiết); hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác Danh mục thủ tục hành chính, bộ phận tạo thành của

từng thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này và gỡ bỏ các dữ liệu thủ tục hành chính đã hết hiệu lực thi hành trên Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh theo quy định.

2. Văn phòng UBND tỉnh cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác các dữ liệu thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ, cụ thể: Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 1995/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Du lịch, Nghệ thuật biểu diễn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 về việc công bố Danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Phú Thọ thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả; Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh Phú Thọ.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị; UBND các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KS TTHC, VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP (Ô. Bảo);
- VNPT Phú Thọ;
- Phòng HC – THC, TT Phục vụ HCC;
- Chuyên viên: NC<sub>1, 2, 3</sub>, VX<sub>2</sub>;
- Lưu: VT, NC<sub>5</sub>.

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Quang**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**  
**DO SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THỰC HIỆN VIỆC TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)*

*TTHC: Thủ tục hành chính;  
DVC TT: Dịch vụ công trực tuyến;  
HCC: Hành chính công*

| TT       | Mã hồ sơ TTHC                       | Tên TTHC                            | Thời hạn giải quyết                               | Cách thức/Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----------|-------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực Thi đua khen thưởng</b> |                                     |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                      |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 1        | 1.001376/2021.TDK T.01              | Xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân | Theo Kế hoạch của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 3               | 1. Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.<br>2. Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.<br>3. Nghị định 40/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”. |
| 2        | 1.001108/2021.TDK T.02              | Xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú    | Theo Kế hoạch của Bộ Văn                          | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường</i>                                                                                                                                                                                                                                                   | Không                | 3               | 1. Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ.<br>2. Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

| TT | Mã hồ sơ TTHC          | Tên TTHC                                                                     | Thời hạn giải quyết                               | Cách thức/Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                        | tú                                                                           | hóa, Thể thao và Du lịch                          | Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b>                                                                                          |                      |                 | 30/01/2019 của Chính phủ.<br>3. Nghị định 40/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ.                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 3  | 1.001032/2021.TDK T.03 | Xét tặng danh hiệu Nghệ nhân dân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể   | Theo Kế hoạch của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 3               | 1. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa năm 2009.<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.<br>3. Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25/6/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể. |
| 4  | 1.000971/2021.TDK T.04 | Xét tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể | Theo Kế hoạch của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 3               | 1. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa năm 2009.<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.<br>3. Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25/6/2014 của Chính phủ.                                                                                                                  |
| 5  | 1.000871/2021.TDK T.05 | Xét tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học, nghệ thuật                      | Theo Kế hoạch của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:                                                                                                                                    | Không                | 3               | 1. Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ quy định về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.<br>2. Nghị định số 133/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ sửa                                                                                                                   |

| TT | Mã hồ sơ TTHC          | Tên TTHC                                                          | Thời hạn giải quyết                                                                                | Cách thức/Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                    |
|----|------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                        |                                                                   |                                                                                                    | <a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b>                                                                                                                                                                                                                  |                      |                 | đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.<br>3. Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ. |
| 6  | 1.000564/2021.TDK T.06 | Xét tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật              | Theo Kế hoạch của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                                  | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 3               | 1. Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ.<br>2. Nghị định số 133/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ.<br>3. Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ.                                      |
| 7  | 1.005363/2020.TDK T.07 | Xét tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Xét tặng 02 đợt vào tháng 3 và tháng 7 hàng năm | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 3               | Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”.                                                     |
| 8  | 1.008014               | Xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và          | Theo Kế hoạch của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                                  | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b>                                                                                                                                                         | Không                | 3               | 1. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013.<br>2. Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều                                       |

| TT                                | Mã hồ sơ TTHC          | Tên TTHC                                                                                                                   | Thời hạn giải quyết                               | Cách thức/Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                   |                        | Du lịch đối với tập thể và cá nhân ngoài ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                                |                                                   | Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b>                                                                                                                                                                                              |                      |                 | của Luật thi đua, khen thưởng.<br>3 Thông tư số 07/2019/TT-BVHTTDL ngày 30/8/2019 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>II Lĩnh vực Di sản Văn hóa</b> |                        |                                                                                                                            |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                      |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 1                                 | 1.003646/2021.DSV H.01 | Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích                                   | 100 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trục Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trục tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 3               | 1. Luật Di sản văn hóa năm 2001.<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009.<br>3. Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 31/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.<br>4. Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia. |
| 2                                 | 1.003835/2021.DSV H.02 | Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện | 100 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trục Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trục tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 3               | 1. Luật Di sản văn hóa năm 2001.<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009.<br>3. Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ.<br>4. Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                                                                                                                                                                                              |

| TT | Mã hồ sơ<br>TTHC | Tên TTHC | Thời hạn<br>giải quyết | Cách thức/Địa điểm<br>thực hiện | Phí,<br>Lệ phí<br>(nếu có) | DVC TT<br>(mức độ) | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------|----------|------------------------|---------------------------------|----------------------------|--------------------|----------------|
|    |                  | vật      |                        |                                 |                            |                    |                |

**PHU LỤC II**  
**DANH MỤC CHUẨN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÁC LĨNH VỰC NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH PHÚ THỌ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)*

*TTHC: Thủ tục hành chính;  
DVC TT: Dịch vụ công trực tuyến;  
HCC: Hành chính công*

| TT       | Mã hồ sơ TTHC                  | Tên TTHC                                        | Thời hạn giải quyết                               | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A</b> | <b>VĂN HÓA</b>                 |                                                 |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                      |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực Di sản Văn hóa</b> |                                                 |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                      |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 1        | 1.003793/2020.DS.04            | Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập | 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 3               | 1. Luật Di sản văn hóa năm 2001;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009;<br>3. Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ;<br>4. Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |
| 2        | 2.001591/2020.DS.05            | Cấp giấy phép khai quật khảo cổ                 | 03 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ            | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú                                                                                                                                                                                                            | Không                | 3               | 1. Luật Di sản văn hóa năm 2001;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |



| TT                          | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                         | Thời hạn giải quyết                     | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Phí, Lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                             |                      |                                                                                                                                                                                                                                  | sơ hợp lệ                               | <p>Thọ.<br/>ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b><br/>Địa chỉ truy cập:<br/><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a></p> <p><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b></p>                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                 | <p>văn hóa năm 2009;</p> <p>3. Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ;</p> <p>4. Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ;</p> <p>5. Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế thăm dò, khai quật khảo cổ.</p>                                                                                                                  |
| <b>II Lĩnh vực Điện ảnh</b> |                      |                                                                                                                                                                                                                                  |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 1                           | 1.003035/2020.VH.011 | Cấp Giấy phép phổ biến phim (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <p><b>1. Trực Tiếp:</b><br/>Trung tâm Phục vụ HCC<br/>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br/>ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b><br/>Địa chỉ truy cập:<br/><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a></p> <p><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b></p> | <p>Mức thu phí thẩm định:</p> <p>1. Phim thương mại:</p> <p>a. Phim truyện:</p> <p>- Độ dài trên 100 phút (1 tập phim): 3.600.000 đ, trong đó: độ dài từ 101 – 150 phút tính thành 1,5 tập; độ dài từ 151 – 200 phút tính thành 02 tập);</p> <p>b. Phim ngắn:</p> <p>- Độ dài đến 60 phút: 2.200.000 đ (trong đó: Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện)</p> <p>2. Phi phi thương</p> | 3               | <p>1. Luật Điện ảnh năm 2006;</p> <p>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh năm 2009;</p> <p>3. Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18/6/2009;</p> <p>4. Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng</p> |

| TT | Mã hồ sơ TTHC                | Tên TTHC                                                                                                                                             | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                             | Phí, Lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|----|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                              | phương đáp ứng các điều kiện: + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến) |                                                  |                                                                                                                                                                                           | mại:<br>a. Phim truyện:<br>- Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 2.400.000 đ, trong đó: độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập; độ dài từ 151 – 200 phút tính thành 02 tập)<br>b. Phim ngắn:<br>- Độ dài đến 60 phút: 1.600.000 đ, trong đó: độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện)<br>* Ghi chú: Mức thu quy định trên đây là mức thu thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây. |                 | dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh;<br>5. Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim;<br>6. Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh. |
| 2  | 1.003017/2<br>020.VH.01<br>2 | Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các                                                         | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b> | <i>1. Phim thương mại</i><br>a. Phim truyện<br>- Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 3.600.000 đ (trong đó: độ dài từ 101 - 150 phút tính thành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3               | 1. Luật Điện ảnh năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh năm 2009;<br>3. Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ;                                                                                                                                                                                                                                                                  |

| TT | Mã hồ sơ TTHC | Tên TTHC                                                 | Thời hạn giải quyết | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                       | Phí, Lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|---------------|----------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |               | cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu) |                     | <p>Địa chỉ truy cập: <a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a></p> <p><b>3. Dịch vụ <i>Bưu chính công ích</i></b></p> | <p>1,5 tập; độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập)</p> <p>b. Phim ngắn:</p> <p>- Độ dài đến 60 phút: 2.200.000 đ (trong đó: Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện)</p> <p><i>2. Phim phi thương mại</i></p> <p>a. Phim truyện</p> <p>- Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 2.400.000 đ (trong đó: độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập; độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập)</p> <p>b. Phim ngắn:</p> <p>- Độ dài đến 60 phút: 1.600.000 đ (trong đó: Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện)</p> <p><i>Ghi chú: Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau</i></p> |                 | <p>4. Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>5. Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>6. Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> |

| TT                                                   | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                                          | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                       | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phí, Lệ phí (nếu có)                     | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                      |                      |                                                                                                   |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây. |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>III Lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm</b> |                      |                                                                                                   |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                          |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 1                                                    | 1.001755/2020.VH.002 | Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng                                               | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                                    | 3               | 1. Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật;<br>2. Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ. |
| 2                                                    | 1.001704/2020.VH.004 | Cấp Giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                          | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                                    | 3               | Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 07/7/2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                               |
| 3                                                    | 1.001671/2020.VH.005 | Cấp Giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ                                                           | 07 ngày làm việc kể từ ngày                                                                                                                               | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú,</i>                                                                                                                                                                                                                                                         | Không                                    | 3               | Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.                                                                                                                                                                                                                                     |

| TT                                      | Mã hồ sơ TTHC          | Tên TTHC                                                                                | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phí, Lệ phí (nếu có)                                                    | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                          |
|-----------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
|                                         |                        | Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)              | nhận đủ hồ sơ theo quy định                      | <i>phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b>                                                                                   |                                                                         |                 |                                                                                         |
| 4                                       | 1.001738/2020.VH.003   | Cấp Giấy phép tổ chức trại sáng tác điều khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                                                                   | 3               | Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ.                              |
| 5                                       | 1.001809/2020.VH.001   | Cấp Giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)              | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                                                                   | 3               | Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ.                              |
| <b>IV Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn</b> |                        |                                                                                         |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                         |                 |                                                                                         |
| 1                                       | 1.009397/2021.NTB D.01 | Tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý                                       | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ           | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú</i>                                                                                                                                                                                                                   | * Trường hợp thu phí, mức thu cụ thể như sau:<br>- 1.500.000 đ/50 phút; | 3               | 1. Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ |

| TT | Mã hồ sơ TTHC          | Tên TTHC                                                                                                                                                                                           | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                        | (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật Trung ương) | sơ hợp lệ                                        | <p>Thọ.</p> <p>ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trục tuyến:</b></p> <p>Địa chỉ truy cập: <a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a></p> <p><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b></p>                                                                                     | <p>- 2.000.000 đ/51 phút đến 100 phút;</p> <p>- 3.000.000 đ/101 phút đến 150 phút;</p> <p>- 3.500.000 đ/151 phút đến 200 phút;</p> <p>- 5.000.000 đ/từ 201 phút trở lên.</p> <p>(Mức thu/ Độ dài thời gian của một chương trình Biểu diễn nghệ thuật)</p> <p>* Trường hợp miễn phí: Miễn phí thẩm định chương trình biểu diễn đối với chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia theo quy định tại Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> |                 | <p>thuật biểu diễn;</p> <p>2. Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác.</p> |
| 2  | 1.009398/2021.NTB D.02 | Tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật)                                                              | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <p><b>1. Trục Tiếp:</b></p> <p>Trung tâm Phục vụ HCC</p> <p>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</p> <p>ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trục tuyến:</b></p> <p>Địa chỉ truy cập: <a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a></p> | Không                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3               | Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.                                                                                                                                                                                                                                          |

| TT       | Mã hồ sơ TTHC                 | Tên TTHC                                                                                                        | Thời hạn giải quyết                                                                 | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                  |
|----------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          |                               | thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương) |                                                                                     | <b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                      |                 |                                                                                                 |
| 3        | 1.009399/2020.VH.015          | Tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu                                                                           | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                    | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 3               | Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.                                      |
| <b>V</b> | <b>Lĩnh vực Văn hóa cơ sở</b> |                                                                                                                 |                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                      |                 |                                                                                                 |
| 1        | 1.003676/2020.VH.006          | Đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh                                                                                 | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ UBND tỉnh có trách nhiệm thẩm định | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 4               | Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2019 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. |
| 2        | 1.003654/2020.VH.0            | Thông báo tổ chức lễ hội cấp                                                                                    | 15 ngày làm việc kể                                                                 | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Không                | 4               | Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2019 của                                                  |

| TT | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                                          | Thời hạn giải quyết                                  | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có)  | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|----|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | 07                   | tỉnh                                                                                              | từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ                       | Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b>                                                  |                       |                 | Chính phủ.                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 3  | 1.004659/2020.VH.017 | Công nhận lại Cơ quan đạt chuẩn văn hóa, Đơn vị đạt chuẩn văn hóa, Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                 | 4               | Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”                                                   |
| 4  | 1.004639/2020.VH.008 | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam     | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ              | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | 3.000.000 đ/Giấy phép | 3               | 1. Luật Quảng cáo năm 2012;<br>2. Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;<br>3. Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số |



| TT | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                                                       | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phí, Lệ phí (nếu có)  | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|----|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                      |                                                                                                                |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                       |                 | điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;<br>4. Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam.                                                                                    |
| 5  | 1.004666/2020.VH.009 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt nam | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | 1.500.000 đ/Giấy phép | 3               | 1. Luật Quảng cáo năm 2012;<br>2. Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>4. Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.<br>5. Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ |

| TT        | Mã hồ sơ TTHC            | Tên TTHC                                                                                             | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có)   | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                          |                                                                                                      |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                        |                 | sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL, Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL, và Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                                                                                    |
| 6         | 1.004662/2020.VH.010     | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam    | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | 1.500.000 đ/Giấy phép. | 3               | 1. Luật Quảng cáo năm 2012;<br>2. Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>4. Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |
| <b>VI</b> | <b>Lĩnh vực Thư viện</b> |                                                                                                      |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                        |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 1         | 1.008895/2021.TV.01      | Thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:                                                                                                                                    | Không                  | 3               | 1. Luật Thư viện năm 2019.<br>2. Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.<br>3. Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa,                                                                         |

| TT | Mã hồ sơ TTHC       | Tên TTHC                                                                                                                                                                                          | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                            |
|----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                     | thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam                                                                                                                                |                                                  | <a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b>                                                                                                                                                                                                     |                      |                 | Thế thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện.                                                  |
| 2  | 1.008896/2021.TV.02 | Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 3               | 1. Luật Thư viện năm 2019;<br>2. Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |
| 3  | 1.008897/2021.TV.03 | Thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân                                                 | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 3               | 1. Luật Thư viện năm 2019;<br>2. Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |

| TT                           | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                                                                   | Thời hạn giải quyết                               | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                              |                      | nước ngoài có phục vụ người Việt Nam                                                                                       |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                      |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>VII Lĩnh vực Gia đình</b> |                      |                                                                                                                            |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                      |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 1                            | 1.005441/2020.GD.001 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 3               | 1. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007;<br>2. Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật, phòng chống bạo lực gia đình năm 2009;<br>3. Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình;<br>4. Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và |

| TT | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                                                                       | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                      |                                                                                                                                |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                      |                 | Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010                                                                                                                                                                                                                                 |
| 2  | 1.001420/2020.GD.002 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 3               | 1. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007;<br>2. Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>4. Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |
| 3  | 1.001407/2020.GD.003 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)     | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 3               | 1. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007;<br>2. Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>4. Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |

| TT | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                                                                              | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4  | 2.001414/2020.GD.004 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)     | 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 3               | 1. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007;<br>2. Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>4. Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |
| 5  | 1.000919/2020.GD.005 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 3               | 1. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007;<br>2. Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>4. Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |
| 6  | 1.000817/2020.GD.006 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở                                                                                       | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ           | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú</i>                                                                                                                                                                                                                   | Không                | 3               | 1. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007;<br>2. Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày                                                                                                                                                                                                                                  |

| TT       | Mã hồ sơ TTHC            | Tên TTHC                                                                                          | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|----------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          |                          | tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)                 | sơ hợp lệ                                        | Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b>                                                                                                                         |                      |                 | 04/02/2009 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>4. Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                                                                     |
| <b>B</b> | <b>THẺ DỤC THỂ THAO</b>  |                                                                                                   |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                      |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực thể thao</b> |                                                                                                   |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                      |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 1        | 1.001782/2020.TD TT .007 | Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | <b>4</b>        | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>2. Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. |
| 2        | 1.002013/2020.TD TT .006 | Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh,      | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b>                                                                                                                                                         | Không                | <b>4</b>        | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>3. Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày                                                                                                                                        |



| TT       | Mã hồ sơ TTHC           | Tên TTHC                                                                                                                         | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          |                         | thành phố trực thuộc trung ương tổ chức                                                                                          |                                                  | Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b>                                                                                                                                                                                             |                      |                 | 02/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                                                                                                                                                                                                                                    |
| 3        | 1.002022/2020.TD TT.005 | Đăng cai Giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | <b>4</b>        | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>3. Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                                                                      |
| <b>C</b> | <b>DU LỊCH</b>          |                                                                                                                                  |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                      |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực Lữ hành</b> |                                                                                                                                  |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                      |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 1        | 1.004528/2020.DL.001    | Công nhận điểm du lịch                                                                                                           | 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | <b>4</b>        | 1. Luật Du lịch năm 2017;<br>2. Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;<br>3. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. |
| 2        | 1.003490/2020.DL.020    | Công nhận khu du lịch cấp tỉnh                                                                                                   | 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ           | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú</i>                                                                                                                                                                                                                   | Không                | <b>4</b>        | 1. Luật Du lịch năm 2017;<br>2. Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ;                                                                                                                                                                                                   |



| TT | Mã hồ sơ TTHC | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                   |
|----|---------------|----------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |               |          | sơ hợp lệ           | <p>Thọ.<br/>ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b><br/>Địa chỉ truy cập:<br/><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a></p> <p><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b></p> |                      |                 | 3. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |

**PHỤ LỤC III**  
**DANH MỤC CHUẨN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÁC LĨNH VỰC NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH PHÚ THỌ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)*

*TTHC: Thủ tục hành chính;  
DVC TT: Dịch vụ công trực tuyến;  
HCC: Hành chính công*

| TT       | Mã hồ sơ TTHC                  | Tên TTHC                                                                      | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A</b> | <b>VĂN HÓA</b>                 |                                                                               |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                      |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực Di sản văn hóa</b> |                                                                               |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                      |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1        | 2.001631/2020.DS.01            | Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia                                      | 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 3               | 1. Luật Di sản văn hóa năm 2001;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009;<br>3. Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010;<br>4. Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/2/2004 của Bộ Văn hóa-Thông tin hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;<br>5. Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |
| 2        | 1.003838/2020.DS.02            | Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh                                                                                                                                                                                                                | Không                | 3               | 1. Luật Di sản văn hóa năm 2001;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009;<br>3. Nghị định số 98/2010/NĐ-CP                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| TT | Mã hồ sơ TTHC       | Tên TTHC                                                                   | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                               |
|----|---------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                     | tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương     |                                                  | <p>Phú Thọ.<br/>ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b><br/>Địa chỉ truy cập:<br/><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a></p> <p><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b></p>                                                                                                                       |                      |                 | ngày 21/9/2010 của Chính phủ;<br>4. Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ.                                                                                                                                                                |
| 3  | 2.001613/2020.DS.03 | Xác nhận đủ điều kiện được cấp Giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <p><b>1. Trực Tiếp:</b><br/>Trung tâm Phục vụ HCC<br/>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br/>ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b><br/>Địa chỉ truy cập:<br/><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a></p> <p><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b></p> | Không                | 3               | <p>1. Luật Di sản văn hóa năm 2001;</p> <p>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009;</p> <p>3. Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ;</p> <p>4. Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ.</p> |
| 4  | 1.003738/2020.DS.06 | Cấp Chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia           | 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <p><b>1. Trực Tiếp:</b><br/>Trung tâm Phục vụ HCC<br/>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br/>ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b><br/>Địa chỉ truy cập:<br/><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a></p>                                             | Không                | 3               | <p>1. Luật Di sản văn hóa năm 2001;</p> <p>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009;</p> <p>3. Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ;</p> <p>4. Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ.</p> |

| TT | Mã hồ sơ TTHC       | Tên TTHC                                                         | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----|---------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                     |                                                                  |                                                  | <b>3. Dịch vụ <i>Bưu chính công ích</i></b>                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                      |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 5  | 1.001106/2020.DS.09 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật     | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ <i>Bưu chính công ích</i></b> | Không                | 3               | 1. Luật Di sản văn hóa năm 2001;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009;<br>3. Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;<br>4. Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |
| 6  | 1.001123/2020.DS.10 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ <i>Bưu chính công ích</i></b> | Không                | 3               | 1. Luật Di sản văn hóa năm 2001;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009;<br>3. Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 7  | 1.001822/           | Cấp Chứng chỉ                                                    | 05 ngày làm việc kể                              | <b>1. Trực Tiếp:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Không                | 4               | 1. Luật Di sản văn hóa năm 2001;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

| TT | Mã hồ sơ TTHC               | Tên TTHC                                                 | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                     | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                              |
|----|-----------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | 2020.DS.1<br>1              | hành nghề tu bổ di tích                                  | từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                            | Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b>                         |                      |                 | 2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009;<br>3. Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.                                                                       |
| 8  | 1.002003/<br>2020.DS.1<br>2 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích                | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp cấp lại do Chứng chỉ hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề) | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 4               | 1. Luật Di sản văn hóa năm 2001;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009;<br>3. Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.                                   |
| 9  | 1.003901/<br>2020.DS.1<br>3 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ<br>Thay đổi thời gian thực hiện theo QĐ công nhận phương án đơn giản hóa thủ                           | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i>                                                                                                                                                                                  | Không                | 4               | 1. Luật Di sản văn hóa năm 2001;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009;<br>3. Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;<br>4. Nghị định số 142/2018/NĐ-CP |

| TT                                                  | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                                   | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                         | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                     |                      |                                                                                            | tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>2. Trục tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b>                                                                                                                                                      |                      |                 | ngày 09/10/2018 của Chính phủ;<br>5. Quyết định số 3287/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Phú Thọ |
| 10                                                  | 2.001641/2020.DS.14  | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích                               | - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hư hỏng;<br>- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề. | <b>1. Trục Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trục tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 4               | 1. Luật Di sản văn hóa năm 2001;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009;<br>3. Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;<br>4. Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ.                              |
| <b>II Lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm</b> |                      |                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                      |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 1                                                   | 1.001833/2020.VH.018 | Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                                                                                                            | <b>1. Trục Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.                                                                                                                                                                                                       | Không                | 3               | 1. Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ;<br>2. Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                                                                                                       |

| TT | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                                                              | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                             | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                |
|----|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                      | thao và Du lịch)                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                 | ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bru chính công ích</b>                                                                                                                                 |                      |                 |                                                                                                                               |
| 2  | 1.001778/2020.VH.019 | Cấp Giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ                              | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                                                                | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bru chính công ích</b> | Không                | 3               | 1. Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ;<br>2. Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ. |
| 3  | 1.001229/2020.VH.020 | Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại | - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với triển lãm có nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch;<br>- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bru chính</b>          | Không                | 3               | Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm.                                              |

| TT | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                                                  | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                            |
|----|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------|
|    |                      |                                                                                                           | phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp.                                                                                                                                                                                                                           | <b>công ích</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                      |                 |                                                           |
| 4  | 1.001211/2020.VH.021 | Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại | <p>- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với triển lãm có nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch;</p> <p>- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội</p> | <p><b>1. Trục Tiếp:</b><br/>Trung tâm Phục vụ HCC<br/><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br/>ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trục tuyến:</b><br/>Địa chỉ truy cập: <a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a></p> <p><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b></p> | Không                | 3               | Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ. |



| TT | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                                                                  | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                            |
|----|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------|
|    |                      |                                                                                                                           | dung phức tạp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                      |                 |                                                           |
| 5  | 1.001191/2020.VH.022 | Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại | <p>- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với triển lãm có nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch;</p> <p>- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp.</p> | <p><b>1. Trục Tiếp:</b><br/>Trung tâm Phục vụ HCC<br/><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br/>ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trục tuyến:</b><br/>Địa chỉ truy cập: <a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a></p> <p><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b></p> | Không                | 3               | Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ. |
| 6  | 1.001182/2020.VH.023 | Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại             | <p>- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với triển lãm có nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <p><b>1. Trục Tiếp:</b><br/>Trung tâm Phục vụ HCC<br/><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br/>ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trục tuyến:</b></p>                                                                                                                                                           | Không                | 3               | Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ. |

| TT | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                                                             | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                            |
|----|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------|
|    |                      |                                                                                                                      | - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp.                                               | Địa chỉ truy cập: <a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ <i>Bưu chính công ích</i></b>                                                                                                                                                                                      |                      |                 |                                                           |
| 7  | 1.001147/2020.VH.024 | Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại | - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với triển lãm có nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch.<br>- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập: <a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ <i>Bưu chính công ích</i></b> | Không                | 3               | Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ. |

| TT                                       | Mã hồ sơ TTHC          | Tên TTHC                                              | Thời hạn giải quyết                                                                                       | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phí, Lệ phí (nếu có)                                                                                                                           | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|------------------------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                          |                        |                                                       | môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>III Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn</b> |                        |                                                       |                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 1                                        | 1.009403/2021.NTB D.03 | Ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu             | 05 ngày làm việc kể từ nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                               | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                                                                                                                                          | 4               | Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>IV Lĩnh vực Văn hóa cơ sở</b>         |                        |                                                       |                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 1                                        | 1.001029/2020.VH.0028  | Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                          | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a>                                         | Phí thẩm định cụ thể như sau:<br>- Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:<br>+ Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đ/Giấy;<br>+ Từ 04 đến 05 | 4               | 1. Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;<br>2. Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. |

| TT | Mã hồ sơ TTHC          | Tên TTHC                                                | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                            | Phí, Lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                    | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                           |
|----|------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                        |                                                         |                                                  | <b>3. Dịch vụ <i>Bưu chính công ích</i></b>                                                                                                                                                                                                                                                              | phòng:<br>6.000.000<br>đ/Giấy<br>+ Từ 06 phòng trở lên:<br>12.000.000<br>đ/Giấy.<br>- Tại các khu vực các huyện:<br>+ Từ 01 đến 03 phòng:<br>2.000.000<br>đ/Giấy;<br>+ Từ 04 đến 05 phòng:<br>3.000.000<br>đồng/Giấy;<br>+ Từ 06 phòng trở lên:<br>6.000.000<br>đ/giấy. |                 |                                                                                                                                          |
| 2  | 1.001008/2020.VH.00029 | Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a> | Phí thẩm định và cấp phép:<br>- Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 15.000.000 đ/Giấy;<br>- Tại các khu vực các huyện: 10.000.000 đ/Giấy.                                                                                                                    | <b>4</b>        | 1. Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ;<br>2. Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |

| TT | Mã hồ sơ TTHC          | Tên TTHC                                                                   | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Phí, Lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                           |
|----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                        |                                                                            |                                                  | <b>3. Dịch vụ <i>Bưu chính công ích</i></b>                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                 |                                                                                                                                          |
| 3  | 1.000963/2020.VH.00030 | Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ <i>Bưu chính công ích</i></b> | - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke là 2.000.000 đ/Phòng (tổng mức thu không quá 12.000.000 đ/giấy phép/lần thẩm định).<br>- Tại khu vực các huyện: Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm | 4               | 1. Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ;<br>2. Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |

| TT | Mã hồ sơ TTHC          | Tên TTHC                                                                     | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Phí, Lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                      | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                           |
|----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                        |                                                                              |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | phòng, mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke là 1.000.000 đ/Phòng (tổng mức thu không quá 6.000.000 đ/giấy phép/lần thẩm định).<br>- Đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu: 500.000 đ/ Giấy |                 |                                                                                                                                          |
| 4  | 1.000922/2020.VH.00031 | Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập: <a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bru chính công ích</b> | Đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đ/ Giấy                                                                                                                                                                                 | 4               | 1. Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ;<br>2. Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |
| 5  | 1.004650/2021.VH.CS.01 | Tiếp nhận hồ sơ Thông báo sản phẩm quảng cáo                                 | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường                                                                                                                                                                                                                                                         | Không                                                                                                                                                                                                                                     | 4               | 1 Luật quảng cáo năm 2012;<br>2. Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;                                              |

| TT       | Mã hồ sơ TTHC                                                           | Tên TTHC                                                                                                            | Thời hạn giải quyết                                                                                                                           | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          |                                                                         | trên bảng quảng cáo, băng-rôn                                                                                       |                                                                                                                                               | <i>Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b>                                                                         |                      |                 | 3. Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                                                                                                                                                                  |
| 6        | 1.004645/2020.VH.00033                                                  | Tiếp nhận Thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo                                                          | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo                                                                                               | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 4               | 1. Luật Quảng cáo năm 2012;<br>2. Quyết định số 3634/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |
| <b>V</b> | <b>Lĩnh vực Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa</b> |                                                                                                                     |                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                      |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 1        | 1.003784/2020.VH.00034                                                  | Cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | - 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ;<br>- Trường hợp phải xin ý kiến các Bộ, ngành khác: 10 ngày làm việc.<br>- Trường hợp phải | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b>                                                                                                                                                         | Không                | 3               | 1. Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh;<br>2. Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và                                 |

| TT | Mã hồ sơ TTHC          | Tên TTHC                                                                                          | Thời hạn giải quyết                                                                                                                             | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                        |                                                                                                   | giám định văn hóa phẩm nhập khẩu: 12 ngày làm việc.                                                                                             | Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b>                                                                                                                                                                                |                      |                 | Du lịch về việc hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                                                                                                                                                                                                                     |
| 2  | 1.003743/2020.VH.00035 | Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương | - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ;<br>- Trong trường hợp đặc biệt: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 4               | 1. Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ;<br>2. Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>3. Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL;<br>4. Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |
| 3  | 2.001496/              | Phê duyệt nội                                                                                     | 07 ngày làm việc kể                                                                                                                             | <b>1. Trực Tiếp:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1. Đối với tác       | 3               | 1. Thông tư số 28/2014/TT-                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |



| TT | Mã hồ sơ TTHC | Tên TTHC                                                      | Thời hạn giải quyết          | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Phí, Lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----|---------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | 2020.VH.00036 | dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh | từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <p>Trung tâm Phục vụ HCC<br/> <i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br/> ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b><br/> Địa chỉ truy cập:<br/> <a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a></p> <p><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b></p> | <p>phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đ/TP/lần thẩm định.</li> <li>- Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đ/TP /lần thẩm định.</li> <li>- Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đ/TP/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đ</li> </ul> <p>2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đ/TP/lần thẩm định;</li> <li>- Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đ/ TP/ lần thẩm định.</li> </ul> |                 | <p>BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>2. Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hóa phẩm xuất khẩu, nhập khẩu;</p> <p>3. Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> |

| TT | Mã hồ sơ TTHC          | Tên TTHC                                                | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Phí, Lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                        |                                                         |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | - Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đ/TP/lần thẩm định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 4  | 1.003608/2020.VH.00037 | Phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh | 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập: <a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | 1. Phim thương mại:<br>- Phim truyện: Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 3.600.000 đ/tập (Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập; Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập)<br>- Phim ngắn: Độ dài đến 60 phút: 2.200.000 đ/tập (Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện)<br>2. Phim phi thương mại:<br>- Phim truyện: Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 2.400.000 đ/tập (Độ dài từ 101 - | 3               | 1. Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>2. Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>3. Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |

| TT | Mã hồ sơ TTHC          | Tên TTHC                                                                              | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Phí, Lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                        | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                        |                                                                                       |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 150 phút tính thành 1,5 tập, Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập)<br>- Phim ngắn: Độ dài đến 60 phút: 1.600.000 đ/tập (Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện)                                                                                                                                |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 5  | 1.003560/2020.VH.00038 | Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập: <a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | 1. Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau:<br>a) Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa:<br>- Đối với bản ghi âm: 200.000 đ/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đ cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài | 3               | 1. Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>2. Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>3. Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |

| TT | Mã hồ sơ<br>TTHC | Tên TTHC | Thời hạn<br>giải quyết | Cách thức/ Địa điểm<br>thực hiện | Phí,<br>Lệ phí<br>(nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | DVC TT<br>(mức độ) | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------|----------|------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------|
|    |                  |          |                        |                                  | <p>thời gian là 15 phút).</p> <p>- Đối với bản ghi hình: 300.000 đ/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đ cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).</p> <p>b) Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác:</p> <p>- Đối với bản ghi âm:</p> <p>+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đ/chương trình;</p> <p>+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đ/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đ/bài</p> |                    |                |

| TT | Mã hồ sơ<br>TTHC | Tên TTHC | Thời hạn<br>giải quyết | Cách thức/ Địa điểm<br>thực hiện | Phí,<br>Lệ phí<br>(nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | DVC TT<br>(mức độ) | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------|----------|------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------|
|    |                  |          |                        |                                  | <p>hát, bản nhạc.<br/>Tổng mức phí<br/>không quá<br/>7.000.000<br/>đ/chương trình.<br/>- Đối với bản<br/>ghi hình:<br/>+ Ghi dưới hoặc<br/>bằng 50 bài hát,<br/>bản nhạc:<br/>2.500.000<br/>đ/chương trình;<br/>+ Ghi trên 50<br/>bài hát, bản<br/>nhạc: 2.500.000<br/>đ/chương trình<br/>cộng (+) mức<br/>phí tăng thêm là<br/>75.000 đ/bài<br/>hát, bản nhạc.<br/>Tổng mức phí<br/>không quá<br/>9.000.000<br/>đ/chương trình.</p> <p>2. Chương trình<br/>trên băng, đĩa,<br/>phần mềm và<br/>trên vật liệu<br/>khác; chương<br/>trình nghệ thuật<br/>biểu diễn sau<br/>khi thẩm định</p> |                    |                |

| TT                                                                               | Mã hồ sơ TTHC         | Tên TTHC                                                                                                                                                     | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phí, Lệ phí (nếu có)                                                              | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                  |                       |                                                                                                                                                              |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | không đủ điều kiện cấp giấy phép thì không được hoàn trả số phí thẩm định đã nộp. |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>VI Lĩnh vực Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ</b> |                       |                                                                                                                                                              |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                   |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 1                                                                                | 1.004723/2020.VH.0040 | Cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bru chính công ích</b> | Không                                                                             | 4               | 1. Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BVHTTDL-BCA ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Công an quy định quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ hoặc đề trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật;<br>2. Thông tư số 30/2012/TT-BCA ngày 29/5/2012 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Nghị định số 25/2012/NĐ-CP ngày 05/4/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;<br>3. Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy phép |

| TT                           | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                              | Thời hạn giải quyết   | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                          |
|------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                              |                      |                                                                       |                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                      |                 | mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ Việt Nam để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật; trình tự, thủ tục cho phép triển khai sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ. |
| <b>VII Lĩnh vực Gia đình</b> |                      |                                                                       |                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                      |                 |                                                                                                                                                                                                                         |
| 1                            | 1.000433/2020.GD.008 | Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình | Không quy định cụ thể | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 3               | 1. Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ;<br>2. Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                                                         |
| 2                            | 1.000454/2020.GD.007 | Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình      | Không quy định cụ thể | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a>                                         | Không                | 3               | 1. Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ;<br>2. Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                                                         |

| TT | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                 | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|----|----------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                      |                                                          |                                                  | <b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                      |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 3  | 1.000379/2020.GD.009 | Cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình     | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 3               | 1. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số năm 2007;<br>2. Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>4. Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |
| 4  | 1.000104/2020.GD.010 | Cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 3               | 1. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số năm 2007;<br>2. Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>4. Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |
| 5  | 2.000022/2020.GD.011 | Cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình   | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân</i>                                                                                                                                                                                                                                              | Không                | 3               | 1. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số năm 2007;<br>2. Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ;                                                                                                                                                                                                        |



| TT       | Mã hồ sơ TTHC                     | Tên TTHC                                                       | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          |                                   |                                                                |                                                  | <p>Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br/>ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b><br/>Địa chỉ truy cập:<br/><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a></p> <p><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b></p>                                                                                                |                      |                 | <p>3. Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>4. Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>                                                                                                                               |
| 6        | 1.003310/2020.GD.012              | Cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình     | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <p><b>1. Trực Tiếp:</b><br/>Trung tâm Phục vụ HCC<br/>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br/>ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b><br/>Địa chỉ truy cập:<br/><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a></p> <p><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b></p> | Không                | 3               | <p>1. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số năm 2007;</p> <p>2. Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ;</p> <p>3. Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>4. Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> |
| <b>B</b> | <b>THẺ DỤC THỂ THAO</b>           |                                                                |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                      |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực Thể dục, Thể thao</b> |                                                                |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                      |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 1        | 1.002396/2020.TDT T.002           | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <p><b>1. Trực Tiếp:</b><br/>Trung tâm Phục vụ HCC<br/>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br/>ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b></p>                                                                                                                                                               | Không                | 4               | <p>1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;</p> <p>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;</p> <p>3. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật</p>                                                                                                      |

| TT | Mã hồ sơ TTHC           | Tên TTHC                                                                                                                        | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                |
|----|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                         |                                                                                                                                 |                                                  | Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b>                                                                                                                                                                               |                      |                 | sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;<br>4. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ về ủy quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.                       |
| 2  | 1.002445/2020.TDT T.001 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp                            | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 4               | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>3. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>4. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ.  |
| 3  | 1.003441/2020.TDT T.003 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong Giấy chứng nhận | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a>                                         | Không                | 4               | 11. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>3. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>4. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ. |

| TT | Mã hồ sơ TTHC           | Tên TTHC                                                                                                | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|----|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                         |                                                                                                         |                                                  | <b>3. Dịch vụ <i>Bưu chính công ích</i></b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                      |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 4  | 1.000983/2020.TDT T.004 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trục Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trục tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ <i>Bưu chính công ích</i></b> | Không                | 4               | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>3. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>4. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ.                                                                                                                                                                                                               |
| 5  | 1.001056/2020.TDT T.033 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao            | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trục Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trục tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ <i>Bưu chính công ích</i></b> | Không                | 4               | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>3. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>4. Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL ngày 02/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Đấu kiếm thể thao;<br>5. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ. |

| TT | Mã hồ sơ TTHC           | Tên TTHC                                                                            | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|----|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6  | 1.001500/2020.TDT T.029 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 4               | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>3. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>4. Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng ném;<br>5. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ. |
| 7  | 1.005162/2020.TDT T.030 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu    | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 4               | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>3. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>4. Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Wushu;<br>5. Quyết định số 09/2018/QĐ-                                              |

| TT | Mã hồ sơ TTHC           | Tên TTHC                                                                                    | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                         |                                                                                             |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                      |                 | UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 8  | 1.001517/2020.TDT T.031 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 4               | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>3. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>4. Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Leo núi thể thao;<br>5. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ. |
| 9  | 1.001527/2020.TDT T.032 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ          | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 4               | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>3. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>4. Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối                                                                                                    |

| TT | Mã hồ sơ TTHC              | Tên TTHC                                                                        | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|----|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                            |                                                                                 |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                      |                 | với môn Bóng rổ;<br>5. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 10 | 1.000953/2020.TDT<br>T.008 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 4               | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>3. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>4. Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga;<br>5. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ. |
| 11 | 1.000936/2020.TDT<br>T.009 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính</b>          | Không                | 4               | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>3. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>4. Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện                                                                                                |

| TT | Mã hồ sơ TTHC           | Tên TTHC                                                                             | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                         |                                                                                      |                                                  | <b>công ích</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                      |                 | và thi đấu môn Golf;<br>5. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 12 | 1.000920/2020.TDT T.010 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông  | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 4               | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>3. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>4. Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Cầu lông;<br>5. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ. |
| 13 | 1.001195/2020.TDT T.011 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a>                                         | Không                | 4               | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>3. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>4. Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ                                                                                                                                                              |



| TT | Mã hồ sơ TTHC              | Tên TTHC                                                                            | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|----|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                            |                                                                                     |                                                  | <b>3. Dịch vụ <i>Bưu chính công ích</i></b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                      |                 | sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Taekwondo;<br>5. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 14 | 1.000904/2020.TDT<br>T.012 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate   | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ <i>Bưu chính công ích</i></b> | Không                | <b>4</b>        | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>3. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>4. Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Karate;<br>5. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ. |
| 15 | 1.000883/2020.TDT<br>T.013 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:                                                                                                                                           | Không                | <b>4</b>        | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>3. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>4. Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 01 năm                                                                                                                                                                                                                              |



| TT | Mã hồ sơ TTHC           | Tên TTHC                                                                                       | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                         |                                                                                                |                                                  | <a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ <i>Buru chính công ích</i></b>                                                                                                                                                                                                                  |                      |                 | 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bơi, Lặn;<br>5. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ.                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 16 | 1.000863/2020.TDT T.014 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ <i>Buru chính công ích</i></b> | Không                | <b>4</b>        | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>3. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>4. Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Billiards & Snooker;<br>5. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ. |
| 17 | 1.000841/2020.TDT T.015 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn            | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i>                                                                                                                                                                                          | Không                | <b>4</b>        | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>3. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

| TT | Mã hồ sơ TTHC           | Tên TTHC                                                                                       | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                         |                                                                                                |                                                  | <b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b>                                                                                                                                                      |                      |                 | 4. Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng bàn;<br>5. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ.                                                                                                                                                                                            |
| 18 | 1.000830/2020.TDT T.016 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 4               | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>3. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>4. Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Dù lượn và môn Điều bay;<br>5. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ. |
| 19 | 1.000814/2020.TDT T.017 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu               | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh                                                                                                                                                                                                                | Không                | 4               | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

| TT | Mã hồ sơ TTHC           | Tên TTHC                                                                                   | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                         | vũ thể thao                                                                                |                                                  | Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bru chính công ích</b>                                                                                                                     |                      |                 | 3. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>4. Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Khiêu vũ thể thao;<br>5. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ.                                                                                                                      |
| 20 | 1.000644/2020.TDT T.018 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bru chính công ích</b> | Không                | 4               | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>2. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thẩm mỹ;<br>4. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ. |
| 21 | 1.000842/2020.TDT T.019 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt                                           | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường                                                                                                                                                                                                                                                            | Không                | 4               | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

| TT | Mã hồ sơ TTHC           | Tên TTHC                                                                                               | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                         | động thể thao đối với môn Judo                                                                         |                                                  | <p><i>Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br/>ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b><br/>Địa chỉ truy cập:<br/><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a></p> <p><b>3. Dịch vụ Bru chính công ích</b></p>                                                                    |                      |                 | <p>điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;</p> <p>2. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;</p> <p>3. Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Judo;</p> <p>4. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ.</p>                                                                                                      |
| 22 | 1.005163/2020.TDT T.020 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <p><b>1. Trực Tiếp:</b><br/>Trung tâm Phục vụ HCC<br/>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br/>ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b><br/>Địa chỉ truy cập:<br/><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a></p> <p><b>3. Dịch vụ Bru chính công ích</b></p> | Không                | 4               | <p>1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;</p> <p>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;</p> <p>2. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;</p> <p>3. Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thể hình và Fitness;</p> <p>4. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ.</p> |

| TT | Mã hồ sơ TTHC           | Tên TTHC                                                                                            | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|----|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 23 | 2.002188/2020.TDT T.021 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng              | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 4               | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>2. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Lân Sư Rồng;<br>4. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ. |
| 24 | 1.000594/2020.TDT T.022 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Vũ đạo thể thao giải trí | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 4               | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>2. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Vũ đạo thể thao giải trí;<br>4. Quyết định số 09/2018/QĐ-                              |

| TT | Mã hồ sơ TTHC           | Tên TTHC                                                                                         | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                         |                                                                                                  |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                      |                 | UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 25 | 1.000560/2020.TDT T.023 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh             | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 4               | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>2. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quyền anh;<br>4. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ. |
| 26 | 1.000544/2020.TDT T.024 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 4               | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>2. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối                                                                                               |

| TT | Mã hồ sơ TTHC              | Tên TTHC                                                                            | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|----|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                            |                                                                                     |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                      |                 | với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam;<br>4. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 27 | 1.000518/2020.TDT<br>T.025 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá  | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bru chính công ích</b> | Không                | 4               | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>2. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng đá;<br>4. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ. |
| 28 | 1.000501/2020.TDT<br>T.026 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a>                                         | Không                | 4               | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>2. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa,                                                                                                                                                                                                |



| TT | Mã hồ sơ TTHC           | Tên TTHC                                                                                     | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                         |                                                                                              |                                                  | <a href="http://phutho.gov.vn">phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Buu chính công ích</b>                                                                                                                                                                                                                                           |                      |                 | Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quần vợt;<br>4. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ.                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 29 | 1.000485/2020.TDT T.027 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin             | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trục Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trục tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Buu chính công ích</b> | Không                | <b>4</b>        | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>2. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Patin;<br>4. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ. |
| 30 | 1.001801/2020.TDT T.028 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trục Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trục tuyến:</b>                                                                                                                                                         | Không                | <b>4</b>        | 1. Luật Thể dục, thể thao số năm 2006;<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;<br>2. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 31/2018/TT-                                                                                                                                                                                                                                                        |



| TT       | Mã hồ sơ TTHC           | Tên TTHC                                         | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phí, Lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                  | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----------|-------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          |                         |                                                  |                                                  | Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ <i>Bưu chính công ích</i></b>                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                       |                 | BVHTTDL ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bắn súng thể thao;<br>4. Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>C</b> | <b>DU LỊCH</b>          |                                                  |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                       |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực Lữ hành</b> |                                                  |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                       |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 1        | 2.001628/2020.DL.002    | Cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br><b>ĐT: 0210 2222 555</b><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ <i>Bưu chính công ích</i></b> | 3.000.000 đ/Giấy phép (Mức thu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022: 1.500.000 đ/Giấy phép theo quy định tại Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) | <b>3</b>        | 1. Luật Du lịch năm 2017;<br>2. Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>4. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.<br>5. Thông tư số 13/2019/ TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của |

| TT | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                             | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Phí, Lệ phí (nếu có)                                                                                                                          | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|----|----------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                      |                                                      |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                               |                 | <p>Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>6. Nghị định 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành;</p> <p>7. Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19.</p> |
| 2  | 2.001616/2020.DL.003 | Cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <p><b>1. Trực Tiếp:</b><br/>Trung tâm Phục vụ HCC<br/>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br/>ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b><br/>Địa chỉ truy cập:<br/><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a></p> <p><b>3. Dịch vụ Bưu chính</b></p> | 1.500.000 đ/Giấy phép (Mức thu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022: 750.000 đ/ Giấy phép theo quy định tại Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày | 3               | <p>1. Luật Du lịch năm 2017;</p> <p>2. Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ;</p> <p>3. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>4. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>5. Thông tư số 13/2019/ TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                |

| TT | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                                    | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                   | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|----|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                      |                                                                                             |                                                  | <b>công ích</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)                                                                                                                                                 |                 | Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>6. Nghị định 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021 của Chính phủ;<br>7. Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 3  | 2.001622/2020.DL.004 | Cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa                                        | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | 2.000.000 đ/Giấy phép (Mức thu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022: 1.000.000 đ/ Giấy phép theo quy định tại Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) | 3               | 1. Luật Du lịch năm 2017;<br>2. Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ;<br>3. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>4. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>5. Thông tư số 13/2019/ TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>6. Nghị định 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021 của Chính phủ;<br>7. Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |
| 4  | 2.001611/2020.DL.005 | Thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.                                                                                                                                                                                                       | Không                                                                                                                                                                                  | 3               | 1. Luật Du lịch năm 2017;<br>2. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

| TT | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                                    | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                    |
|----|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                      | hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b>                                                                                                                                 |                      |                 |                                                                                                                                                                                                                                   |
| 5  | 2.001589/2020.DL.006 | Thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể | - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;<br>- Sau 30 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì Sở Du lịch có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ. | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                | 3               | 1. Luật Du lịch năm 2017;<br>2. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>3. Thông tư số 13/2021/TT-BVHTTDL ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |
| 6  | 1.003742/2020.DL.007 | Thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản  | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555                                                                                                                                                                                  | Không                | 3               | 1. Luật Du lịch năm 2017;<br>2. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                                                                                                     |

| TT | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                                                      | Thời hạn giải quyết                              | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                  | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                      |                                                                                                               |                                                  | <b>2. Trục tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b>                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                       |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 7  | 1.001837/2020.DL.008 | Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trục Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trục tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                                                                                                                                                                 | 3               | 1. Luật Du lịch năm 2017;<br>2. Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam<br>3. Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ. |
| 8  | 1.001440/2020.DL.009 | Cấp Thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm                                                                       | 10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra           | <b>1. Trục Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trục tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | 200.000 đ/Thẻ (Mức thu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022: 100.000 đ/Thẻ theo quy định tại Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) | 4               | 1. Luật Du lịch năm 2017;<br>2. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>3. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>4. Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-      |

| TT | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                                                         | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                   | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có)  | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                      |                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                       |                 | BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>5. Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.                                                                                                |
| 9  | 1.004605/2020.DL.010 | Cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế | 10 ngày kể từ ngày kết thúc khóa cập nhật kiến thức                                                                                                                                                                                                   | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | Không                 | 3               | 1. Luật Du lịch năm 2017;<br>2. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                                                                                                                       |
| 10 | 1.003717/2020.DL.011 | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài   | - 07 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.<br>- 13 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | 3.000.000 đ/Giấy phép | 3               | 1. Luật Du lịch năm 2017;<br>2. Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ.<br>3. Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>4. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |

| TT | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                                                                                                                              | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                     | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phí, Lệ phí (nếu có)  | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                      |                                                                                                                                                                                       | không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                       |                 |                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 11 | 1.003240/2020.DL.012 | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyên địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                        | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | 1.500.000 đ/Giấy phép | 3               | 1. Luật Du lịch năm 2017;<br>2. Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ.<br>3. Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>4. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |
| 12 | 1.003275/2020.DL.013 | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong                                                              | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                        | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b>                                                                                                                                                         | 1.500.000 đ/Giấy phép | 3               | 1. Luật Du lịch năm 2017;<br>2. Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ.<br>3. Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>4. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ            |



| TT | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                                                              | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Phí, Lệ phí (nếu có)  | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                      | trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ <i>Bưu chính công ích</i></b>                                                                                                                                                                                             |                       |                 | Tài chính.                                                                                                                                                                                                                                          |
| 13 | 1.005161/2020.DL.014 | Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;</li> <li>- 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không</li> </ul> | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br><i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br><i>ĐT: 0210 2222 555</i><br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ <i>Bưu chính công ích</i></b> | 1.500.000 đ/Giấy phép | 3               | 1. Luật Du lịch năm 2017;<br>2. Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ.<br>3. Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>4. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |



| TT | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                                                           | Thời hạn giải quyết                                                                | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Phí, Lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                  | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                      |                                                                                                                    | thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                       |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 14 | 1.003002/2020.DL.015 | Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                   | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập: <a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | 1.500.000 đ/Giấy phép                                                                                                                                                 | 3               | 1. Luật Du lịch năm 2017;<br>2. Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ.<br>3. Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>4. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.                                                                                                                              |
| 15 | 1.004628/2020.DL.016 | Cấp Thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế                                                                             | 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ                                          | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập: <a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | 650.000 đ/Thẻ (Mức thu từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021: 325.000 đ/Thẻ theo quy định tại Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) | 4               | 1. Luật Du lịch năm 2017;<br>2. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>3. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.<br>4. Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>5. Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ |

| TT | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                       | Thời hạn giải quyết                       | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                  | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                      |                                                                                |                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                       |                 | Tài chính.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 16 | 1.004623/2020.DL.017 | Cấp Thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa                                         | 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | 650.000 đ/Thẻ (Mức thu từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021: 325.000 đ/Thẻ theo quy định tại Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) | 4               | 1. Luật Du lịch năm 2017;<br>2. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>3. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.<br>4. Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>5. Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |
| 17 | 1.001432/2020.DL.018 | Cấp đổi Thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, Thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | 650.000 đ/Thẻ (Mức thu từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021: 325.000 đ/Thẻ theo quy định tại Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) | 4               | 1. Luật Du lịch năm 2017;<br>2. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>3. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.<br>4. Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>5. Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |
| 18 | 1.004614/            | Cấp lại Thẻ                                                                    | 10 ngày kể từ ngày                        | <b>1. Trực Tiếp:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | - 650.000 đ/Thẻ                                                                                                                                                       | 4               | 1. Luật Du lịch năm 2017;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

| TT        | Mã hồ sơ TTHC                        | Tên TTHC                                        | Thời hạn giải quyết                       | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Phí, Lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           | 2020.DL.019                          | hướng dẫn viên du lịch                          | nhận được hồ sơ hợp lệ                    | <p>Trung tâm Phục vụ HCC<br/>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br/>ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b><br/>Địa chỉ truy cập:<br/><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a></p> <p><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b></p> | <p>hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa;</p> <p>- 200.000 đ/Thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm. (Mức thu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022:</p> <p>- 325.000 đ/Thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa;</p> <p>- 100.000 đ/Thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm. Theo quy định Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)</p> |                 | <p>2. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>3. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>4. Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>5. Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực Dịch vụ Du lịch khác</b> |                                                 |                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 1         | 1.004551/2020.DL.021                 | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | <p><b>1. Trực Tiếp:</b><br/>Trung tâm Phục vụ HCC<br/>Địa chỉ: Số 398, Đường</p>                                                                                                                                                                                                                                              | 1.000.000 đ/hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>3</b>        | <p>1. Luật Du lịch năm 2017;</p> <p>2. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

| TT | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                                   | Thời hạn giải quyết                       | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Phí, Lệ phí (nếu có) | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                      | tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch                                                           |                                           | <p><i>Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i><br/>ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b><br/>Địa chỉ truy cập:<br/><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a></p> <p><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b></p>                                                                    |                      |                 | Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>3. Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. |
| 2  | 1.004503/2020.DL.022 | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | <p><b>1. Trực Tiếp:</b><br/>Trung tâm Phục vụ HCC<br/>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br/>ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b><br/>Địa chỉ truy cập:<br/><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a></p> <p><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b></p> | 1.000.000 đ/hồ sơ    | 3               | <p>1. Luật Du lịch năm 2017;</p> <p>2. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>3. Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>                                                                           |
| 3  | 1.001455/2020.DL.023 | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch  | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | <p><b>1. Trực Tiếp:</b><br/>Trung tâm Phục vụ HCC<br/>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br/>ĐT: 0210 2222 555</p> <p><b>2. Trực tuyến:</b><br/>Địa chỉ truy cập:</p>                                                                                                                                         | 1.000.000 đ/hồ sơ    | 3               | <p>1. Luật Du lịch năm 2017;</p> <p>2. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>3. Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>                                                                           |

| TT | Mã hồ sơ TTHC        | Tên TTHC                                                                        | Thời hạn giải quyết                       | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, Lệ phí (nếu có)             | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|----|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                      |                                                                                 |                                           | <a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b>                                                                                                                                                                                                    |                                  |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 4  | 1.004580/2020.DL.024 | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | 1.000.000 đ/hồ sơ                | 3               | 1. Luật Du lịch năm 2017;<br>2. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>3. Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.<br>4. Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |
| 5  | 1.004572/2020.DL.025 | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC<br>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập:<br><a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | 1.000.000 đ/hồ sơ                | 3               | 1. Luật Du lịch năm 2017;<br>2. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>3. Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.                                                                                                     |
| 6  | 1.004594/2020.DL.0   | Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch                                            | 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | <b>1. Trực Tiếp:</b><br>Trung tâm Phục vụ HCC                                                                                                                                                                                                                                                                                      | - 1.500.000 đ/hồ sơ đề nghị công | 4               | 1. Luật Du lịch năm 2017;<br>2. Thông tư số 06/2017/TT-                                                                                                                                                                                                                                                       |

| TT | Mã hồ sơ TTHC | Tên TTHC                                                                                                     | Thời hạn giải quyết | Cách thức/ Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                   | Phí, Lệ phí (nếu có)                                                         | DVC TT (mức độ) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                     |
|----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | 26            | lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch | lệ                  | Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.<br>ĐT: 0210 2222 555<br><b>2. Trực tuyến:</b><br>Địa chỉ truy cập: <a href="https://www.dichvucong.phutho.gov.vn">https://www.dichvucong.phutho.gov.vn</a><br><b>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</b> | nhận hạng 1 sao, 2 sao;<br>- 2.000.000 đ/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 3 sao. |                 | BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>3. Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |